

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 18
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **80/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 20-11-2025

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Phước Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Tâm;
2. Bà Nguyễn Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 20 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 433/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2025 về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1994

Địa chỉ thường trú: Ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh B (nay là phường T, Tp.H).

Địa chỉ tạm trú: Nhà trọ T (Lê Thị T), khu phố P, phường H, Tp.H

- *Bị đơn:* Ông Lê Ngọc N, sinh năm 1991

Địa chỉ thường trú: Ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh B (nay là phường T, Tp.H).

Địa chỉ tạm trú: Nhà trọ T (Lê Thị T), khu phố P, phường H, Tp.H

(Các đương sự đều có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Hoàng Thị T trình bày:

Bà Hoàng Thị T và ông Lê Ngọc N tự nguyện chung sống thực tế, có đăng ký kết hôn ngày 24/02/2014 tại UBND xã Cư Ê, huyện C, tỉnh Đ. Quá trình sống

chung, vợ chồng có 02 con chung là: Cháu Lê Ngọc G, sinh ngày 14/12/2014 và cháu Lê Ngọc Bảo C, sinh ngày 31/3/2023.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc. Đến thời gian gần đây, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã và không còn quan tâm, chăm sóc nhau.

Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà có yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà có yêu cầu được ly hôn với ông Lê Ngọc N.
- Về con chung: Bà đồng ý giao cháu Lê Ngọc G, sinh ngày 14/12/2014 cho ông Lê Ngọc N chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà có yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc Bảo C, sinh ngày 31/3/2023.
- Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Lê Ngọc N trình bày:

Ông đã nhận thông báo thụ lý vụ án của Tòa án. Ông cũng thống nhất về thời điểm chung sống, đăng ký kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng mà bà Hoàng Thị T đã trình bày. Hiện vợ chồng không còn sống chung và không còn quan tâm nhau.

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Hoàng Thị T.

Về con chung: Ông đồng ý với các yêu cầu của nguyên đơn. Ông đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc G, sinh ngày 14/12/2014. Bà Hoàng Thị T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc Bảo C, sinh ngày 31/3/2023.

Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Các đương sự có tranh chấp về ly hôn và nuôi con. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại khu phố P, phường H, Tp.H, nên vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Xét nguyên đơn và bị đơn đã có ý kiến trình bày đầy đủ và xin giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Do đó, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự (theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015).

[3]. Về nội dung vụ án:

Bà Hoàng Thị T và ông Lê Ngọc N tự nguyện chung sống thực tế, có đăng ký kết hôn ngày 24/02/2014 tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Đ (nay là UBND xã E, tỉnh Đ). Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông N là hợp pháp.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn vì mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn được. Bị đơn cũng thống nhất xác định mâu thuẫn các bên đã trầm trọng và cũng đồng ý ly hôn. Như vậy, yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở, được HĐXX chấp nhận.

Về con chung: Các đương sự đã thống nhất được với nhau. Do vậy, cần giao cho ông Lê Ngọc N chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc G, sinh ngày 14/12/2014 và giao cho bà Hoàng Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc Bảo C, sinh ngày 31/3/2023. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều: 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị T đối với bị đơn ông Lê Ngọc N về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Hoàng Thị T được ly hôn với bị đơn ông Lê Ngọc N.

- Về con chung:

Ông Lê Ngọc N được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc G, sinh ngày 14/12/2014.

Bà Hoàng Thị T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc Bảo C, sinh ngày 31/3/2023.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên không phải thực hiện.

Các đương sự đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Các bên được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, không đặt ra xem xét.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Hoàng Thị T phải nộp số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0027901 ngày 17/10/2025 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều: 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Tp.HCM;
- THADS Tp.HCM;
- VKSND khu vực 18 – Tp.HCM;
- Phòng THADS khu vực 18 – Tp.HCM;
- UBND xã Ae Níng, tỉnh Đắk Lắk
(GCNKH số 11, quyền số 01 ngày 24/02/2014
lập tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Đ);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Phước Thành